

Số: 119/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Đông Á

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIV của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIV;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Đông Á, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIV ngày 15/10/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đông Á của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đông Á theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đông Á cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Đông Á cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Đông Á.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á**

(Kèm theo Nghị quyết số: 119/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.98	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.92
Tiêu chuẩn 1	3.80	Tiêu chuẩn 13	4.20
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.60
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	3.75	Tiêu chuẩn 17	4.25
Tiêu chuẩn 6	4.14	Tiêu chuẩn 18	3.75
Tiêu chuẩn 7	4.40	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	4.00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.97	Tiêu chuẩn 21	4.00
Tiêu chuẩn 9	3.83	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.98
Tiêu chuẩn 10	4.25	Tiêu chuẩn 22	4.25
Tiêu chuẩn 11	4.00	Tiêu chuẩn 23	3.67
Tiêu chuẩn 12	3.80	Tiêu chuẩn 24	4.00
		Tiêu chuẩn 25	4.00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

*(Kèm theo Nghị quyết số: 119/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đông Á giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Tâm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá của Trường được xác định phù hợp với chức năng nhiệm vụ, định hướng phát triển và mức độ tự chủ của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển của đất nước và thành phố Đà Nẵng. Hệ thống quản trị và quản lý được thiết lập hoàn chỉnh với đầy đủ cơ cấu tổ chức, công cụ và nhân sự. Các chỉ số thực hiện chính được xác lập để đánh giá và giám sát việc thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được chú trọng và thực hiện đáp ứng yêu cầu mục tiêu chiến lược phát triển. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng và triển khai phù hợp đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động và có tích lũy. Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin, các nguồn học liệu được giám sát, đánh giá định kỳ và được tăng cường đầu tư. Mạng lưới đối ngoại, phát triển đối tác đạt kết quả đáng ghi nhận, nhất là các đối tác trong nước.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập theo mô hình ba cấp; năng lực của cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng được tăng cường; quy trình, thủ tục, chính sách về đảm bảo chất lượng được ban hành để thực hiện. Công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và các CTĐT được lập kế hoạch, phân công trách nhiệm cụ thể và có sự tham gia của các bên liên quan. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập, được rà soát để cải tiến. Kế hoạch nâng cao chất lượng, quy định về so chuẩn đối sánh chất lượng các hoạt động được ban hành và bước đầu được triển khai thực hiện; kết quả đối sánh đã có những cải tiến và hỗ trợ để nâng cao chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện, giám sát, đánh giá hàng năm. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT được rà soát, cập nhật theo kế hoạch. Các hoạt động giảng dạy theo dự án đào tạo thực hành, bài tập lớn, các mô-đun chuyên ngành, dạy và học trực tuyến trên hệ thống canvas được chú trọng. Hoạt động hỗ trợ người học được quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Hệ thống chỉ đạo, điều hành, kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và triển khai thực hiện hàng năm; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Các hoạt động nghiên cứu khoa học được đầu tư; công tác sở hữu trí tuệ được quan tâm với các quy định hoạt động phù hợp với yêu cầu và có bộ phận đầu mối quản lý.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai có phần mềm hỗ trợ; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Các loại hình hoạt động nghiên cứu khá đa dạng, cơ bản phù hợp với mục tiêu phát triển và với sứ mạng của Trường. Kết quả nghiên cứu khoa học đáng khích lệ với một số

hợp tác, chuyển giao sản phẩm với doanh nghiệp, các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế, đề tài khoa học các cấp, công bố quốc tế và một số sản phẩm sở hữu trí tuệ. Loại hình, khối lượng kết nối phục vụ cộng đồng được xác định cụ thể và thực hiện có kết quả gắn với các thế mạnh của Nhà trường, được địa phương và các đơn vị thụ hưởng ghi nhận, đánh giá. Các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được quan tâm xác lập và thực hiện tốt.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Nghiên cứu hoàn thiện sứ mạng và tầm nhìn theo cách tiếp cận hiện đại hơn, phù hợp với quá trình chuyển đổi và có khả năng truyền cảm hứng, nhận diện thương hiệu của Trường tới các bên liên quan. Tổng kết và đánh giá thực tiễn mức độ đạt các mục tiêu chiến lược làm cơ sở xây dựng hoàn chỉnh và lượng hóa các chỉ số mục tiêu; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng cường sự gắn kết và hợp tác.

2. Xây dựng đề án và phát triển Chi bộ trường thành Đảng bộ trực thuộc Thành uỷ Đà Nẵng để nâng cao vị thế chính trị; tăng cường số lượng đảng viên là cán bộ và sinh viên. Chuẩn hóa các văn bản trong các quyết định của Ban giám hiệu làm rõ hơn vai trò của cấp uỷ Đảng, Hội đồng trường trong việc xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo quan trọng. Tăng cường sự phối hợp giữa Hội đồng trường và Ban giám hiệu cùng kiến tạo cho sự đổi mới. Nghiên cứu chính sách chia sẻ lợi ích, gắn trách nhiệm đối với cán bộ giảng viên, nhân viên thông qua cơ chế.

3. Quy hoạch phát triển Phân hiệu tại Đắk Lắk theo quy định và đảm bảo hiệu quả hoạt động đạt mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao, tư vấn chính sách góp phần phát triển văn hoá cộng đồng cho vùng. Rà soát văn bản quy định phối hợp công tác giữa các chức năng kiểm tra đảng của chi uỷ, công tác thanh tra của Ban giám hiệu và kiểm soát của nhà đầu tư.

4. Sử dụng công cụ đối sánh để rà soát quy trình và xác định nội dung, nội hàm của mô hình trường đại học Nhà trường lựa chọn. Quan tâm đối sánh với các thực hành tốt, tham khảo, sử dụng các tiêu chí và mốc chuẩn của các bảng xếp hạng để có đầy đủ thông tin xây dựng chiến lược cho giai đoạn tới. Xây dựng bổ sung các chỉ số trích dẫn, giải thưởng nghiên cứu khoa học và cập nhật các chỉ tiêu về chuyển đổi số, về phục vụ cộng đồng tương thích với các mục tiêu phát triển Nhà trường.

5. Ban hành văn bản hướng dẫn về xây dựng chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách, tăng cường năng xây dựng, triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách cho cán bộ quản lý các cấp. Nghiên cứu xây dựng các chính sách mang tính đột phá để phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học để hướng đến mục tiêu trở thành một trường đại học uy tín trong nước và Châu Á. Có báo cáo công khai các kết quả giám sát của Hội đồng trường tại các hội nghị người lao động hằng năm bằng văn bản.

6. Tiếp tục có những cải tiến, điều chỉnh về chế độ, chính sách và cải thiện môi trường làm việc nhằm giữ chân người tài, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là giảng viên

trẻ; có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu chi đào tạo nâng cao trình độ cán bộ, giảng viên. Xây dựng và ban hành hệ thống chỉ báo KPIs đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học. Thường xuyên rà soát, cập nhật, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực để đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035.

7. Có giải pháp đa dạng hóa nguồn thu: giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ đào tạo trong nước; tăng nguồn thu từ các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế, bồi dưỡng ngắn hạn; đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, thu hút các đề tài khoa học công nghệ các cấp, các đề tài, dự án hợp tác quốc tế và hợp tác với các tổ chức, địa phương, doanh nghiệp. Tăng chi cho nghiên cứu khoa học đảm bảo theo Nghị định 109/2022/NĐ-CP. Sớm thực hiện các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin tổng thể hỗ trợ công tác quản lý. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số, phát triển theo mô hình đại học thông minh, đại học số; đẩy mạnh công tác số hóa các nguồn học liệu; hoàn thiện và vận hành thư viện điện tử.

8. Có quy định cụ thể chức năng đơn vị đầu mối quản lý hoạt động đối ngoại; ban hành đầy đủ các chính sách; cập nhật, bổ sung quy định, hướng dẫn và giải pháp cụ thể về quan hệ đối ngoại; chú trọng hoạt động hợp tác học thuật và tham gia nhiều hơn các dự án hợp tác quốc tế, các chương trình liên kết đào tạo, các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên. Thiết lập các chỉ số về phát triển đối ngoại bám sát yêu cầu thực hiện sứ mạng và tầm nhìn. Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác; có cơ chế, chính sách phù hợp để tận dụng, phát huy hiệu quả quan hệ hợp tác của các cá nhân giảng viên với các nhà khoa học nước ngoài để thu hút nguồn lực.

9. Nghiên cứu, điều chỉnh chính sách, quy định hoạt động về đảm bảo chất lượng phù hợp với các mục tiêu chiến lược, bao quát toàn bộ nội dung các lĩnh vực hoạt động của Trường. Xây dựng mục tiêu và các chỉ báo cụ thể để duy trì và phát triển văn hóa chất lượng; tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng. Rà soát, đánh giá tổng thể, bài bản quy trình lập kế hoạch các hoạt động đảm bảo chất lượng, các chỉ số thực hiện KPIs và chỉ tiêu phấn đấu chính để tiếp tục cải tiến, hoàn thiện.

10. Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ tham gia tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài để nâng cao chất lượng và hiệu quả các công tác; rà soát quy trình tự đánh giá CTĐT của các đơn vị đào tạo và các mảng chức năng liên quan để kịp thời có các cải tiến phù hợp. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng tổng thể, xác định rõ lộ trình phù hợp với các điều kiện và nguồn lực của Trường. Tăng cường các hoạt động chia sẻ thực hành tốt giữa các đơn vị để liên tục cải tiến, lan toả văn hoá chất lượng.

11. Xây dựng, ban hành quy trình thống nhất trong rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin phản hồi của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Trường, các đơn vị làm cơ sở cho các bổ sung, điều chỉnh, cải tiến mang tính tổng thể. Thực hiện rà soát và cải tiến về chính sách, cơ chế quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong nhằm đảm bảo tính toàn vẹn, chính xác, tin cậy và sẵn sàng sử dụng và để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động quản lý.

12. Rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn đối sánh; bổ sung các tiêu chí cụ thể để lựa chọn đối tác trong và ngoài nước phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường; xác định đầy đủ các lĩnh vực đối sánh và có hướng dẫn để thực hiện. Tăng cường kết

nổi, xây dựng mạng lưới đối tác đối sánh với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để có các dữ liệu đối sánh đầy đủ, tin cậy; có cơ chế sử dụng hiệu quả kết quả đối sánh để cải tiến chất lượng các hoạt động.

13. Tiếp tục đa dạng hoá các phương thức tuyển sinh, tăng cường vai trò chủ động của giảng viên trong truyền thông về CTĐT và thu hút người học. Nghiên cứu giải pháp tăng cường quy mô tuyển sinh sau đại học, mở rộng liên kết hợp tác trong đào tạo các chương trình quốc tế. Phân tích, dự báo xu hướng nhu cầu nguồn nhân lực thị trường lao động tại các lĩnh vực nghề nghiệp, vị trí việc làm và tỷ lệ nhập học của người học theo khối ngành để có định hướng phát triển ngành và cải tiến trong tuyển sinh.

14. Có hướng dẫn cụ thể trong việc lựa chọn và sử dụng các CTĐT tham khảo, đối sánh; tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về xây dựng và phát triển CTĐT theo định hướng năng lực số, cá thể hoá người học, liên ngành và xuyên ngành. Rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình dạy học để đảm bảo thời gian đào tạo cạnh tranh, đáp ứng Khung Trình độ quốc gia; bổ sung thông tin về các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, công cụ và tiêu chí đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra của học phần và của CTĐT; có hướng dẫn đầy đủ về các hoạt động tự học và nghiên cứu của người học.

15. Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động dạy học với chuẩn đầu ra của CTĐT để có những cải tiến phù hợp. Có hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với triết lý giáo dục của Trường và với yêu cầu đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa, học thuật/phi học thuật hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, khai phóng, đa văn hóa theo mục tiêu của Trường và hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực chuyên môn.

16. Ban hành quy định và hướng dẫn lựa chọn hình thức kiểm tra đánh giá và đảm bảo các phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần phù hợp với chuẩn đầu ra; bổ sung công cụ, tiêu chí đánh giá cụ thể trong đề cương các học phần. Phân tích sự tương quan giữa điểm đánh giá thường xuyên và cuối kỳ; phân tích kết quả thi, thống kê và đối sánh kết quả thi theo đề thi đã lựa chọn để thực hiện cải tiến các loại hình/phương pháp kiểm tra đánh giá. Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn cụ thể phương thức đo lường chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT để các Khoa/Bộ môn triển khai đồng bộ, hiệu quả.

17. Chú trọng các hoạt động khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các đối tượng người học làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung các hoạt động hỗ trợ phù hợp, hiệu quả. Chủ động phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp để kịp thời có biện pháp tư vấn, hỗ trợ; có đơn vị chuyên trách hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, tổ chức các hội chợ, hội thảo tư vấn việc làm theo chuyên ngành để tăng tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với CTĐT.

18. Thực hiện đối sánh trong nước với các cơ sở giáo dục đại học có cùng định hướng ứng dụng để xác định bổ sung các KPIs phù hợp. Tăng cường chính sách nghiên cứu khoa học cho cán bộ trẻ, nhóm nghiên cứu tiềm năng; tăng đầu tư cho khoa học công nghệ theo Nghị định 109/2022/NĐ-CP, trong đó lưu ý các nghiên cứu đỉnh cao, phát kiến khoa học. Tập trung đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh có yêu cầu đặt hàng và đầu tư tương xứng với sản phẩm và hiệu quả. Tăng cường kết nối để có các sản phẩm nghiên cứu liên ngành và có khả năng chuyển giao.

19. Xác định cụ thể các chỉ tiêu cần đạt về phát minh sáng chế, các giải pháp hữu ích trong chiến lược phát triển và kế hoạch, nhiệm vụ hàng năm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho

các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Có chiến lược tạo tài sản trí tuệ và thúc đẩy chuyển giao, khai thác trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng. Truyền thông rộng rãi hơn về sở hữu trí tuệ đến đầy đủ các đối tượng cán bộ, giảng viên và người học; tổ chức xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về các kết quả nghiên cứu để có thể sử dụng được trong học tập, nghiên cứu.

20. Thực hiện so chuẩn, đối sánh quốc tế để xây dựng các KPIs cụ thể, bổ sung vào kế hoạch chiến lược và các nhiệm vụ trong giai đoạn 2022-2025 về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh hợp tác trong đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên và nghiên cứu khoa học với các đối tác ưu tiên và đối tác chiến lược. Đầu tư tài chính tương xứng để chủ động phát triển ổn định mạng lưới các hợp tác nghiên cứu, xây dựng công viên/vườn ươm nghiên cứu khoa học có sự tham gia của các đối tác nước ngoài, nhà đầu tư.

21. Rà soát để đảm bảo thống nhất giữa các chính sách phục vụ cộng đồng với chiến lược phát triển tổng thể và chiến lược phục vụ cộng đồng. Xác định rõ nội hàm chính sách phục vụ cộng đồng, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ và cập nhật các KPIs để tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện của cán bộ, giảng viên, nhân viên. Nghiên cứu điều chỉnh tiêu chí, thang đo của công cụ khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên, nhân viên đối với hoạt động phục vụ cộng đồng để thu được các thông tin hữu ích, sát thực làm cơ sở cho các cải tiến, nâng cao hiệu quả của hoạt động.

22. Tăng cường lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là của các doanh nghiệp về chất lượng người học tốt nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ cải tiến và phát triển CTĐT, tổ chức đào tạo và kiểm tra, đánh giá. Quan tâm đối sánh ngoài trường các chỉ số về kết quả đào tạo, tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp; cải tiến hiệu quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên về chất lượng người học tốt nghiệp để có giải pháp nâng cao chất lượng, năng lực cho người học tốt nghiệp thích ứng được với các thay đổi, biến động trong thị trường lao động.

23. Thường xuyên đối sánh quốc tế để lập kế hoạch, thiết lập các chỉ số KPIs để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nghiên cứu khoa học để cải tiến. Tăng cường năng lực nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên trẻ và năng lực các viện, trung tâm nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu mạnh để gia tăng số lượng các đề tài cấp, chất lượng công bố quốc tế để đạt các chỉ số cao cho các lĩnh vực. Có chiến lược tăng cường tạo dựng và khai thác các tài sản trí tuệ, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp trong Nhà trường và đặt yêu cầu cụ thể đối với nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

24. Tận dụng các lợi thế đặc thù để thiết lập cụ thể loại hình, khối lượng kết nối phục vụ cộng đồng trên cơ sở tham chiếu các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hiệp quốc và bám sát sứ mạng và tầm nhìn của Trường; có quy định trách nhiệm, nội dung cụ thể đối với cán bộ giảng viên, nhân viên và người học. Xây dựng quy định, hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh các hoạt động với các chỉ số, chỉ báo cụ thể. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học để đảm bảo hiện thực hóa các chính sách và mục tiêu đã xác định.

25. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học qua các đề tài /dự án trong và ngoài nước, các hoạt động tư vấn và chuyển giao công nghệ để tạo nguồn thu cho Trường và cải thiện được các chỉ số tài chính và thị trường. Xác định bằng văn bản các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng và lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn để thiết

lập hệ thống giám sát tổng thể; xây dựng lộ trình và lựa chọn tham gia xếp hạng các trường đại học trong và ngoài nước.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
